

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Hóa chất, vật tư, môi trường phục vụ đánh giá giám sát ISO/IEC 17025
năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch các mặt hàng hóa chất, vật tư, môi trường phục vụ đánh giá giám sát ISO/IEC 17025 năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
DS. Trần Nữ Trà My – Khoa Dược-VTYT - SĐT: 0971124104
- Cách thức, địa chỉ nhận báo giá:

Gửi về địa chỉ: Số 140 - đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Lưu ý: Báo giá được niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ nội dung “Báo giá các mặt hàng hóa chất, vật tư, môi trường phục vụ đánh giá giám sát ISO/IEC 17025 năm 2024”.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong giờ hành chính đến trước 17h00 ngày 21/10/2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 21/10/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hóa chất, vật tư, môi trường phục vụ đánh giá giám sát ISO/IEC 17025 năm 2024: theo phụ lục 1 đính kèm

2. Đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá theo mẫu: phụ lục 2 đính kèm

3. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật- Địa chỉ: Số 140- đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Trân trọng./. *Trần Nữ Trà My*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Dược-VTYT. *Trần Nữ Trà My*



Phạm Đình Du



PHỤ LỤC 1. DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ

(kèm thư mời báo giá số 10/10 TM-KSBT ngày 11/10/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Môi trường Acetamide broth A	Thành phần:Part A : Acetamide 10.000 g/l Part B: Sodium chloride 5.000g/l Dipotassium hydrogen phosphate 1.390 g/l Potassium dihydrogen phosphate 0.730 g/l Magnesium sulphate 0.500 g/l Phenol red 0.012 g/l Giá trị pH (at 25°C) 7.0±0.2	500g/hộp	Hộp	1	
2	Môi trường King B	Thành phần: Proteose peptone 20.0 g/l Magnesium sulfate 1.5 g/l Tri-potassium phosphate 3-hydrate 1.8 g/l Agar-agar 10.0 g/l pH-value (25 °C) 6.9 - 7.3 Bảo quản: +15°C đến +25°C	500g/hộp	Hộp	1	
3	Thuốc thử Nessler	Bảo quản: +2°C to +30°C Tỷ trọng: 1.16 g/cm3 (20 °C)	100ml/chai	chai	1	
4	Huyết tương thử	Bactident® Coagulase ổn định trong 5 ngày ở trạng thái hòa tan (tái ngâm nước) ở nhiệt độ +2 °C đến +8 °C. Ở nhiệt độ -20 °C, nó ổn định trong tối đa 30 ngày. Bảo quản mát, khô và đóng kín ở nhiệt độ +2 °C đến +8 °C. Bảo quản huyết tương đã hòa tan ở nhiệt độ +2 °C đến +8 °C hoặc đông lạnh sâu ở nhiệt độ -20 °C. Không đông lạnh lại sau khi đã rã đông	6Lx3ml/ Hộp	Hộp	1	



STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
5	Môi trường nuôi cấy nấm men-Mốc (DRBC)	Thành phần: Enzymatic digest of animal and plant tissue 5.0; D(+)-Glucose 10.0; Potassium dihydrogenphosphate 1.0; Magnesium sulfate monohydrate 0.5; Dichloran 0.002; Rose Bengal 0.025; Chloramphenicol 0.1; Agaragar 15.0. Giá trị pH: 5.4 - 5.8 (32.6 g/l, H ₂ O, 25 °C) Solubility 32.6 g/l Bảo quản: +15 °C to +25 °C	500g/hộp	Hộp	1	
6	Kháng huyết thanh H đa giá Salmonella As H-G	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella H-G. Lọ 2 ml	2ml/lọ	ml	1	
7	Môi trường nuôi cấy vi khuẩn salmonella	Thành phần: Enzymatic digest meat of meat 12.0 g/l NaCl 5.0 g/l Yeast extract 3.0 g/l Saccharose* 12.0 g/l Lactose 12.0 g/l Salicin 2.0 g/l Sodium thiosulfate 5.0 g/l Ammonium iron(III) citrate ** 1.5 g/l Fuchsin acid 0.1 g/l Giá trị pH 7.3 - 7.7 (75 g/l, H ₂ O, 25 °C) Độ hòa tan: 75 g/l Bảo quản: +15°C to +25°C. Đóng gói: 500g/hộp	500g/hộp	Hộp	1	
8	Môi trường nuôi cấy vi khuẩn salmonella	Thành phần: Yeast Extract 3 g/l NaCl 5 g/l D(+)-Xylose 3.75 g/l Lactose 7.5 g/l	500g/hộp	Hộp	1	

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Sucrose 7.5 g/l L(+)-Lysine 5 g/l Sodium Thiosulfate 6.8 g/l Ammonium Iron(III) Citrate 0.8 g/l Phenol Red 0.08 g/l Sodium Deoxycholate 1 g/l Agar-Agar 14.5 g/l Giá trị pH 7.2 - 7.6 (55 g/l, H ₂ O, 25 °C) Bảo quản: +15°C to +25°C. Độ hòa tan: 55 g/l Đóng gói: 500g/hộp				
9	Môi trường tăng sinh vi khuẩn salmonella	Thành phần: Enzymatic Digest of Soya 4.5 g/l NaCl 7.2 g/l Potassium Dihydrogen Phosphate (KH ₂ PO ₄ + K ₂ HPO ₄) 1.44 g/l MgCl ₂ , anhydrous 13.4 g/l Malachite Green Oxalate 0.036 g/l Giá trị pH 5.0 - 5.4 (42.5 g/l, H ₂ O, 25 °C) Bảo quản: +15°C to +25°C. Đóng gói: 500g/hộp	500g/hộp	Hộp	1	
10	Môi trường tăng sinh vi khuẩn salmonella	Thành phần: Meat Extract 4.3 g/l Enzymatic Digest of Casein 8.6 g/l NaCl 2.6 g/l CaCO ₃ 38.7 g/l Sodium Thiosulfate, anhydrous 30.5 g/l Ox bile 4.78 g/l Brilliant Green 0.0096 g/l Novobiocin Sodium Salt 0.04 g/l Giá trị pH (25°C) 7.8 - 8.2 Bảo quản: +15°C to +25°C. Đóng gói: 500g/hộp	500g/hộp	Hộp	1	

AM
DÁT
TẬT
AN

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
11	Môi trường thạch KIA	Thực hiện thử nghiệm lên men đường Glucose, Lactose Sinh Hydrogen Sulfide và sinh khí để định danh trực khuẩn Gram âm dễ mọc	4 ml/ ống	Ống	30	
12	Lysin Decarboxylase	Thực hiện thử nghiệm Lysin Decarboxylase dùng định danh trực khuẩn gram âm, dễ mọc	10 Lọ/ Hộp	Lọ	30	
13	Manit di động	Phát hiện khả năng di động của vi khuẩn	10 Lọ/ Hộp	Lọ	30	
14	Môi trường Ure Indol	Thực hiện thử nghiệm sinh Urease, sinh Indol và di động để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc	10 Lọ/ Hộp	Lọ	30	
Tổng cộng 14 mặt hàng						





PHỤ LỤC 2. MẪU BÁO GIÁ

(kèm thư mời báo giá số 1225/TM-KSBT ngày 11/10/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

Tên đơn vị cung cấp

Địa chỉ

Số điện thoại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An

Trên cơ sở thư mời báo giá số /TM-KSBT của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An ngày tháng năm 2024, chúng tôi [ghi tên của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] có số đăng ký kinh doanhđược cấp bởi.....báo giá cho các mặt hàng như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế/ hàng hóa và dịch vụ liên quan

ĐVT: VND

STT	STT trong thư mời báo giá	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS (nếu có)	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng/Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1														
...														
Tổng tiền .. mặt hàng														

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày 21/10/2024. [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))